

VN-Index **1867.62 (0.40%)**

1088 Tr. cổ phiếu 32825.7 Tỷ VND (38.59%)

HNX-Index **262.72 (0.34%)**

78 Tr. cổ phiếu 1779.4 Tỷ VND (25.89%)

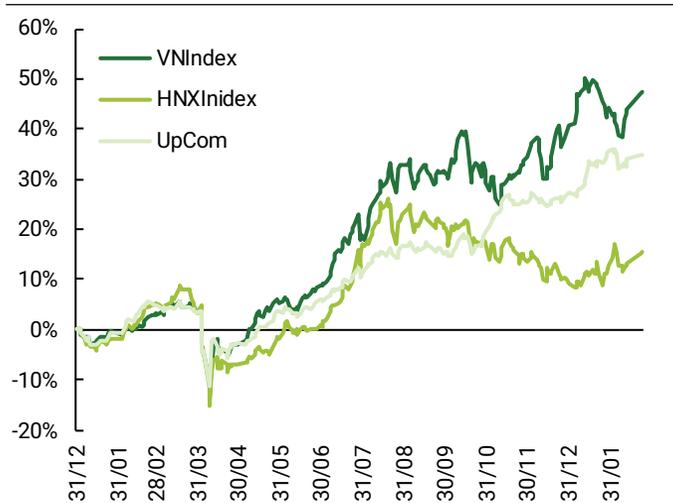
UPCOM-Index **128.04 (-0.01%)**

34 Tr. cổ phiếu 596.9 Tỷ VND (-36.15%)

VN30F1M **2046.50 (0.12%)**

163,234 HD OI: 33,309 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1867.6, tăng +7.5 điểm (+0.40%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở HNXIndex, VN30.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Lực cầu tham gia mạnh mẽ hơn trong phiên chiều giúp chỉ số đóng cửa trong sắc xanh. Thanh khoản vượt lên trở lại trên mức bình quân 20 phiên cho thấy dòng tiền tham gia tích cực hơn sau lễ. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Hóa chất: DGC (+7.0%), BFC (+7.0%), DPM (+5.9%) | Dầu khí: BSR (+6.9%), PLX (+3.9%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GMD (+5.7%), PVT (+4.5%), HAH (+4.3%) | Thực phẩm và đồ uống: FMC (+6.9%), CMX (+4.3%), MSN (+2.1%) | Tài nguyên Cơ bản: NKG (+3.6%), HPG (+2.9%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Ngân hàng: VCB (-2.1%), SHB (-1.6%), CTG (-1.3%) | Công nghệ: ELC (-4.4%), FPT (-2.1%)
Tác động chỉ số: Chiều tăng | BSR, VJC, HPG, VIC, GAS - Chiều giảm | VCB, CTG, FPT, GEE, BID
Khối ngoại Mua ròng gần 300 tỷ, tập trung nhiều ở HPG, DGC, BSR, trong khi bán ròng FPT, VCB, TPB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Hammer đi kèm sự gia tăng của thanh khoản, hàm ý lực cầu cải thiện và dòng tiền đang quay lại thị trường theo hướng chủ động hơn. Dòng vốn cũng luân chuyển linh hoạt giữa các nhóm ngành trên cơ sở định giá lại kỳ vọng. Các nhóm đang trong trạng thái suy yếu nhìn chung chưa thu hút được sự quan tâm, trong khi một số cổ phiếu sau nhịp điều chỉnh đã dần khôi phục quán tính tăng, tiêu biểu ở ngành Dầu khí, Phân bón và Vận tải – Cảng biển. Nếu thanh khoản và độ rộng thị trường tiếp tục duy trì tích cực, chỉ số có thể hướng đến vùng kháng cự tiếp theo quanh 1880–1900 điểm. Ở chiều ngược lại, khu vực 1800–1820 điểm đóng vai trò là vùng hỗ trợ gần cho xu hướng.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với mẫu hình nến sao băng, cho thấy lực cung còn chi phối trong chiều đi lên. Dù vậy, thanh khoản cải thiện là dấu hiệu tích cực, hàm ý lực cầu khởi sắc. Mục tiêu kháng cự cao hơn quanh ngưỡng 270 điểm.
- **Chiến lược:** Chiều mua mới có thể cân nhắc khi thanh khoản và độ rộng thị trường tiếp tục cải thiện theo hướng lan tỏa. Tuy nhiên, chỉ số sẽ đi lên kèm rung lắc nhằm tái tạo đà, NĐT nên tận dụng tín hiệu điều chỉnh để tham gia sẽ tối ưu hơn. Các nhóm ngành nổi bật: Dầu khí, Phân bón, Tiện ích, Chứng khoán.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua HUT (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,867.6	0.40%	2.4%	-0.2%	32,825.7	38.6%	61.6%	11.8%	1,088.2	33.5%	76.3%	22.4%
HNX-Index	262.7	0.34%	2.2%	3.9%	1,779.4	25.9%	70.1%	-14.1%	78.0	25.2%	46.5%	-15.6%
UPCOM-Index	128.0	-0.01%	0.5%	0.8%	596.9	-36.1%	-7.1%	-63.5%	33.5	-3.6%	-23.0%	-61.6%
VN30	2,050.9	0.5%	1.6%	-1.3%	19,087.8	51.1%	61.9%	11.1%	482.4	49.5%	77.1%	24.8%
VNMID	2,304.2	0.9%	2.7%	2.5%	10,442.4	22.0%	51.9%	25.0%	391.6	19.1%	48.7%	25.2%
VNSML	1,517.4	0.62%	1.8%	1.2%	1,740.6	38.3%	98.0%	-1.3%	95.5	23.0%	61.5%	-11.0%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	678.9	-0.6%	1.77%	-1.1%	7,016.5	16.19%	480.2%	19.4%	261.0	13.9%	469.1%	21.7%
Bất động sản	791.7	0.3%	1.3%	-2.8%	2,762.6	8.5%	440.6%	-5.1%	106.8	11.2%	455.5%	12.6%
Dịch vụ tài chính	343.2	1.7%	2.8%	3.3%	4,795.7	51.9%	658.9%	122.6%	181.1	40.3%	600.7%	112.6%
Công nghiệp	280.1	0.0%	3.9%	1.1%	2,074.7	7.0%	434.3%	117.5%	50.7	-4.8%	375.6%	84.8%
Tài nguyên cơ bản	558.6	2.6%	2.3%	2.8%	3,173.0	176.1%	1279.0%	222.1%	122.5	165.3%	1225.1%	207.1%
Xây dựng - Vật Liệu	191.1	1.1%	2.8%	6.8%	1,480.0	0.3%	400.8%	75.7%	56.7	-4.4%	377.5%	45.7%
Thực phẩm	544.0	0.2%	-0.9%	-12.4%	1,637.1	33.4%	566.1%	6.1%	38.0	36.7%	582.6%	13.4%
Bán Lẻ	1,710.1	0.2%	-0.1%	8.7%	1,045.1	4.6%	421.9%	-1.5%	14.5	-2.7%	385.7%	5.2%
Công nghệ	496.6	-2.0%	-1.6%	-6.0%	2,821.7	27.1%	534.2%	197.7%	32.2	22.8%	513.0%	193.6%
Hóa chất	208.3	2.74%	5.0%	4.9%	2,233.6	179.7%	1295.8%	210.3%	55.4	181.8%	1306.8%	191.6%
Tiện ích	915.1	1.0%	4.6%	5.9%	772.0	137.0%	1080.4%	32.5%	17.9	25.9%	528.0%	-5.8%
Dầu khí	125.8	5.38%	6.9%	18.5%	1,796.2	92.6%	861.0%	76.9%	51.0	80.3%	799.7%	62.8%
Dược phẩm	456.2	0.5%	0.2%	1.0%	46.5	37.7%	587.3%	19.5%	1.4	71.6%	756.3%	4.4%
Bảo hiểm	128.5	2.6%	6.0%	10.6%	73.2	-19.6%	301.1%	-10.4%	1.4	-32.8%	235.3%	-19.4%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,867.6	0.40%	4.7%	16.7x	2.3x
SET-Index	Thái Lan	1,490	0.69%	18.3%	15.8x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	8,281	-1.37%	-4.2%	21.0x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,852	-0.27%	4.5%	17.1x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,548	0.92%	8.2%	11.0x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,117	0.87%	3.7%	19.5x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,590	-1.82%	3.7%	13.8x	1.5x
Nikkei 225	Nhật Bản	57,321	0.87%	13.9%	22.4x	2.8x
S&P 500	Mỹ	6,838	-1.04%	-0.1%	27.3x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	48,804	-1.66%	1.5%	25.4x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,657	-0.26%	7.3%	16.3x	2.5x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,107	-0.12%	5.4%	18.6x	2.6x
DXY		97.8	0.01%	-9.9%		
USDVND		26,187	0.46%	2.8%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

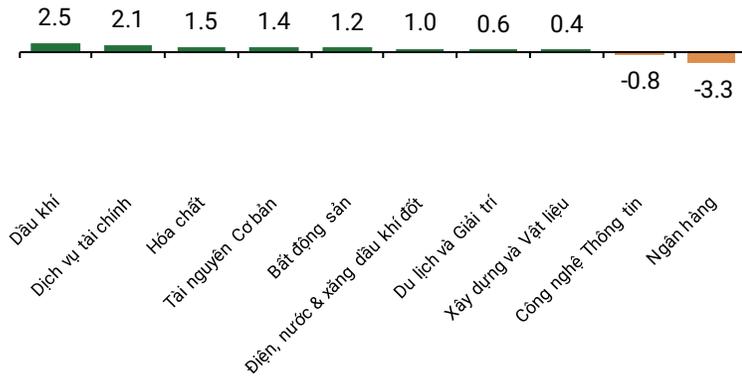
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.1%	8.5%	17.4%	-4.5%
Dầu WTI	▬	0.1%	8.7%	15.6%	-6.1%
Khí gas	▼	-0.4%	-43.7%	-19.4%	-25.6%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	0.0%	2.1%
Thép HRC (*)	▼	-0.3%	-1.2%	-0.8%	-5.4%
PVC (*)	▼	-0.8%	1.5%	4.3%	-4.9%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	14.0%	19.0%	25.3%
Cao su thiên nhiên	▲	2.6%	7.4%	10.9%	-3.3%
Bông Cotton	▲	1.7%	0.5%	-0.2%	-3.6%
Đường	▲	1.5%	-1.5%	-3.3%	-31.2%
World Container Index	▼	-0.7%	-13.3%	-13.3%	-31.3%
Baltic Dirty tanker Index	▲	1.2%	11.3%	37.1%	101.0%
Vàng	▲	1.2%	3.7%	19.7%	75.2%
Bạc	▲	4.0%	-14.7%	22.8%	172.1%

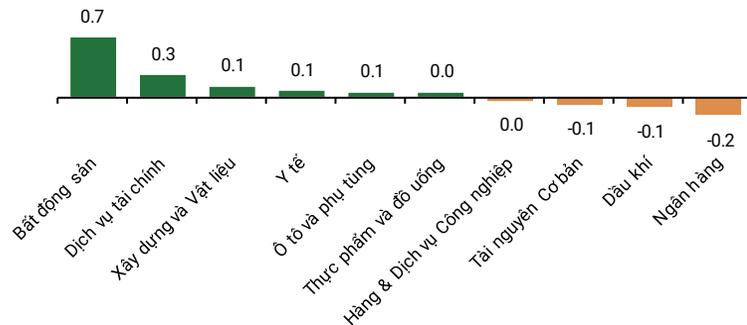
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

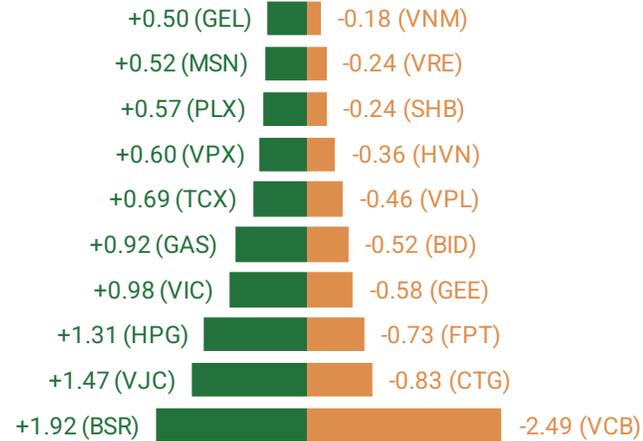
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



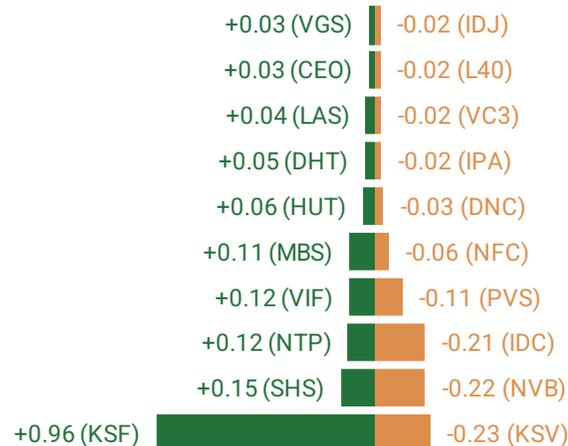
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

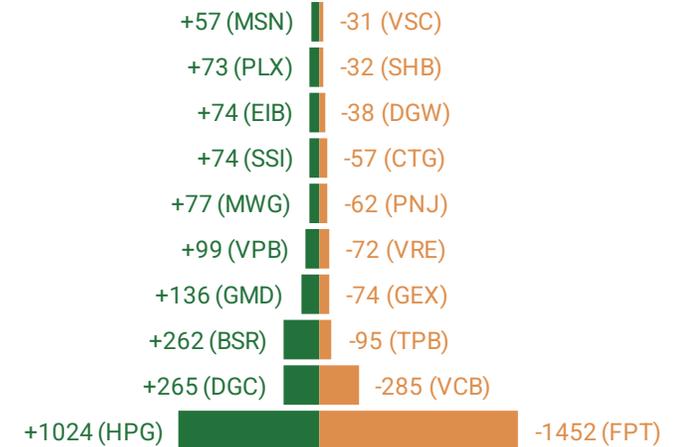


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

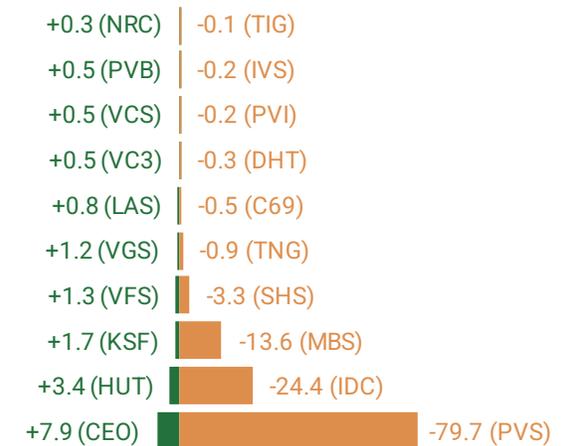


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

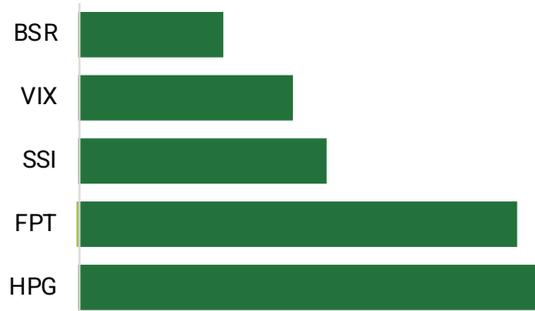
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	HPG	FPT	SSI	VIX	BSR
%DoD	2.9%	-2.1%	1.6%	2.0%	6.9%
Giá trị	2,794	2,662	1,499	1,301	881

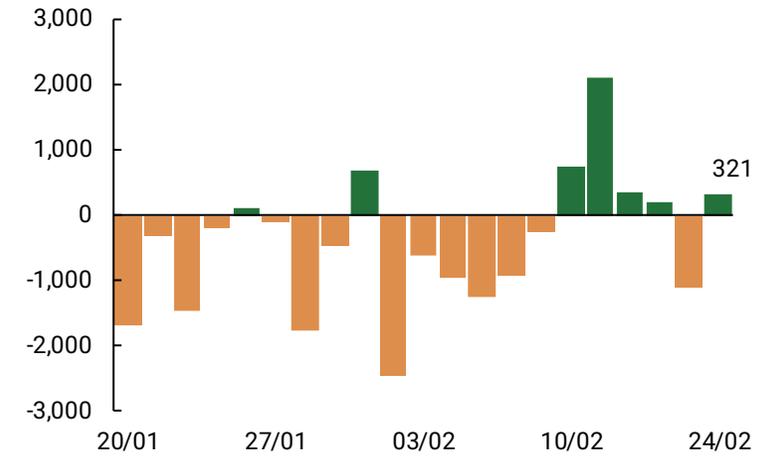
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



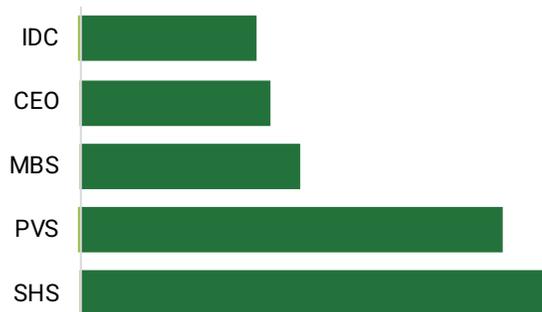
	VHM	GEL	ACB	FPT	VJC
%DoD	0.3%	7.0%	-0.2%	-2.1%	6.7%
Giá trị	218	147	138	116	70

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



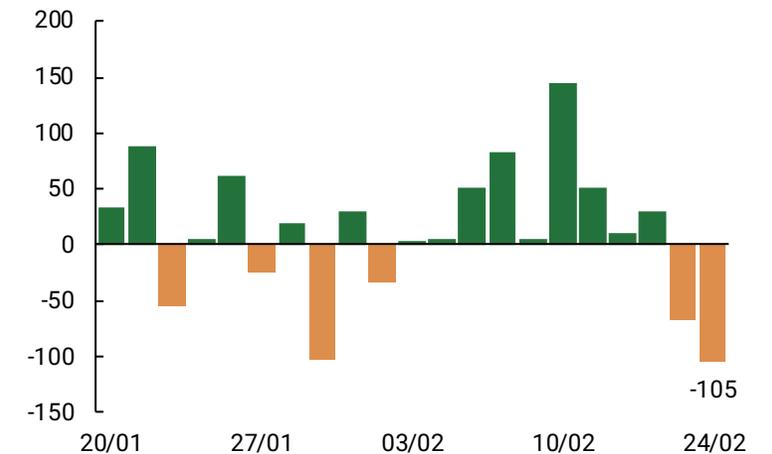
	SHS	PVS	MBS	CEO	IDC
%DoD	1.6%	-0.8%	1.1%	0.5%	-2.1%
Giá trị	423	385	201	174	161

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	PVS	HTC	AAV	AAV
%DoD	1.6%	-0.8%	0.0%	0.0%	0.0%
Giá trị	2	1	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Hammer, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 - 1820.
- ✓ Kháng cự: 1880 - 1900.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định lại vùng đỉnh cũ.

Kịch bản: Chỉ số kiểm định tốt ngưỡng 1850 đi kèm với phản ứng bật tăng đi kèm thành khoản, hàm ý trạng thái đi lên và tái tạo đà ngay trong phiên. Nếu thanh khoản và độ rộng thị trường duy trì tốt, mục tiêu hướng tới là kiểm định vùng đỉnh cũ quanh 1880 - 1900 điểm. Hỗ trợ gần hiện quanh ngưỡng 1820 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hammer, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1980 - 2000.
- ✓ Kháng cự: 2060 - 2080.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định lại vùng đỉnh cũ.

➔ Chỉ số VN30 có phiên kiểm định lực cầu thành công với phản ứng bật tăng khi tiếp cận ngưỡng 2040 điểm. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt, chỉ số có thể hướng tới mục tiêu kiểm định kháng cự tiếp theo quanh vùng 2060 - 2080 điểm. Hỗ trợ gần hiện là vùng tâm lý 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	HUT	BUY	Current price		16.6	P/E (x)	38.2	
Exchange	HNX		Action price	25/02	16.3 - 16.6	P/B (x)	1.7	
Sector	Automobiles		Target price		18.5	12.1%	EPS	434.5
			Cut loss		15.4	-6.7%	ROE	4.3%
						Stock Rating	BB	
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

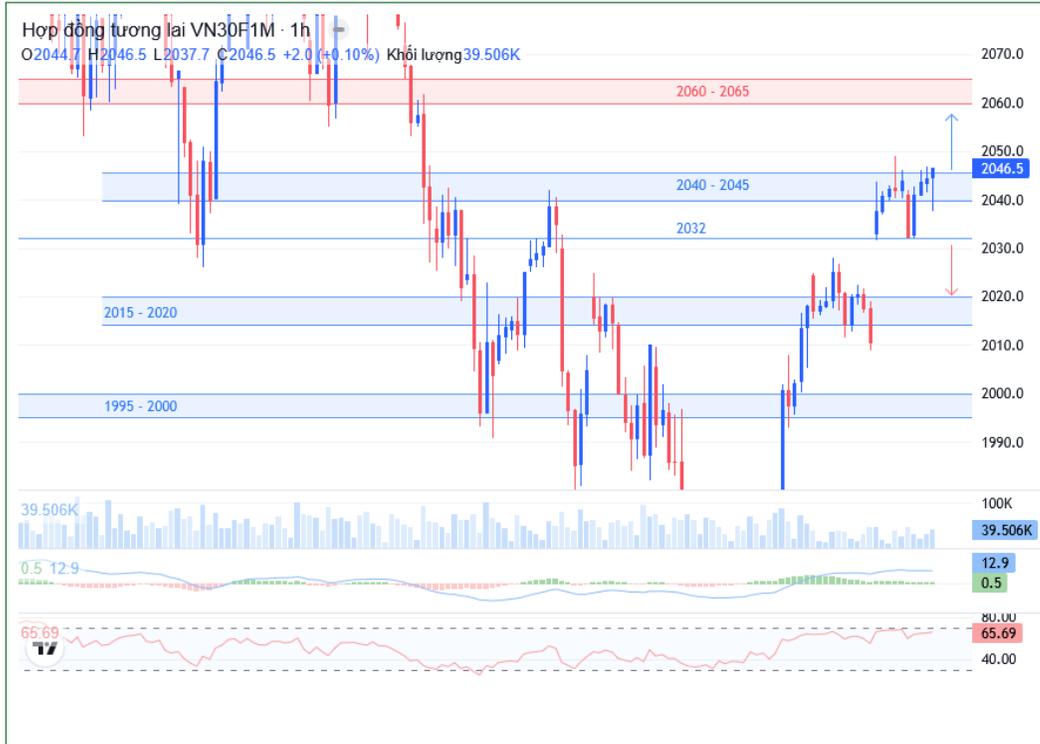
- Giá kiểm định tốt MA20 – MA50 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, trong khi RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn
- Xu hướng điều chỉnh đang yếu đi và khả năng quay lại quán tính tăng.
 → Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	HUT	Mua	25/02/2026	16.60	16.3 – 16.6	-	18.5	12.1%	15.4	-6.7%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MSN	Mua	23/01/2026	-	80.90	79.4 – 79.9	1.6%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
2	SAB	Mua	04/02/2026	-	48.80	51.5 – 52	-5.7%	58.0	12.1%	48.0	-7.2%	
3	SSI	Mua	24/02/2026	-	32.10	31.2 – 31.6	2.2%	35.0	11.5%	29.4	-6.4%	
4	DDV	Mua	24/02/2026	-	30.50	29.2 – 29.6	3.7%	33.5	13.9%	27.2	-7.5%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2046.5, tăng 2.5 điểm (+0.1%). Giá điều chỉnh đầu phiên nhưng đã sớm phục hồi và trở lại rung lắc quanh tham chiếu. Vận động nghiêng về đi ngang kiểm định thêm cung cầu.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD hạ nhiệt, song được bù đắp bởi chỉ báo RSI cải thiện, hàm ý động lượng tăng vẫn được duy trì. Bên cạnh giá có phản ứng tốt tại khu vực hỗ trợ 2030 và 2040, cho thấy lực cầu đang chiếm ưu thế hơn trong vận động. Nếu giá tiếp tục giữ vững trên ngưỡng 2045, vị thế Long có thể cân nhắc. Vị thế Short xem xét khi giá lùi về dưới ngưỡng 2032.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1926.4, tăng 2.4 điểm (+0.1%). Độ lệch basis -10.4 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 52 HĐ. Hỗ trợ gần hiện quanh khu vực 1915 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1940 điểm.

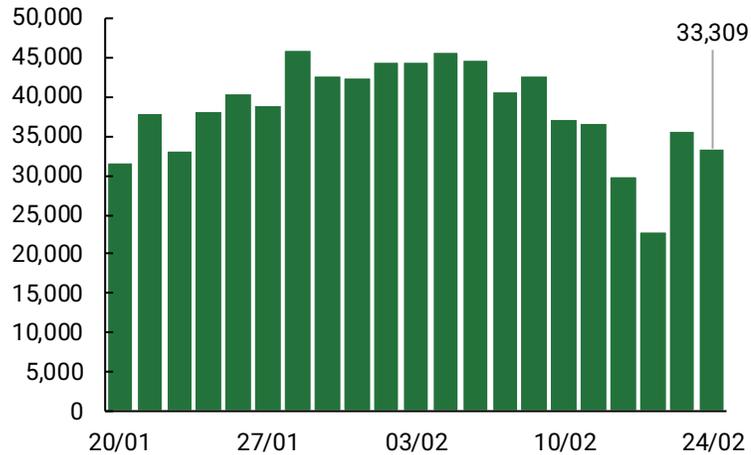
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2045	2060	2037	15 : 08
Short	< 2032	2020	2040	12 : 08

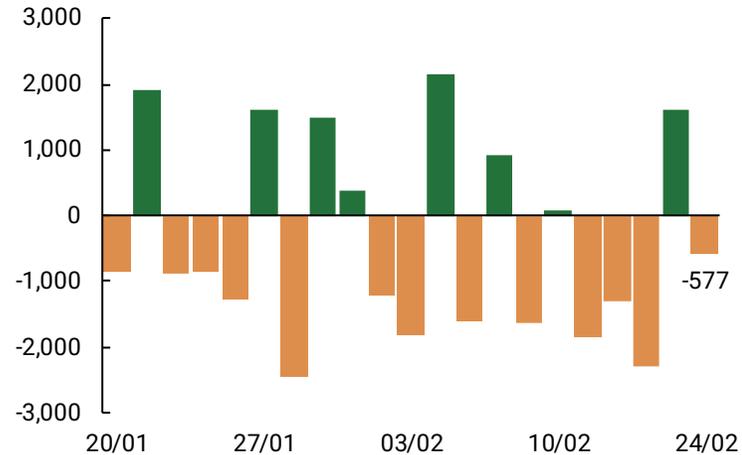
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	2,043.6	3.4	8	194	2,062.4	-18.8	17/09/2026	205
4111G6000	2,047.0	2.5	22	362	2,057.3	-10.3	18/06/2026	114
4111G4000	2,046.0	0.0	224	198	2,053.7	-7.7	16/04/2026	51
4111G3000	2,046.5	2.5	163,234	33,309	2,052.1	-5.6	19/03/2026	23
4112G3000	1,926.4	2.4	52	54	1,938.0	-11.6	19/03/2026	23

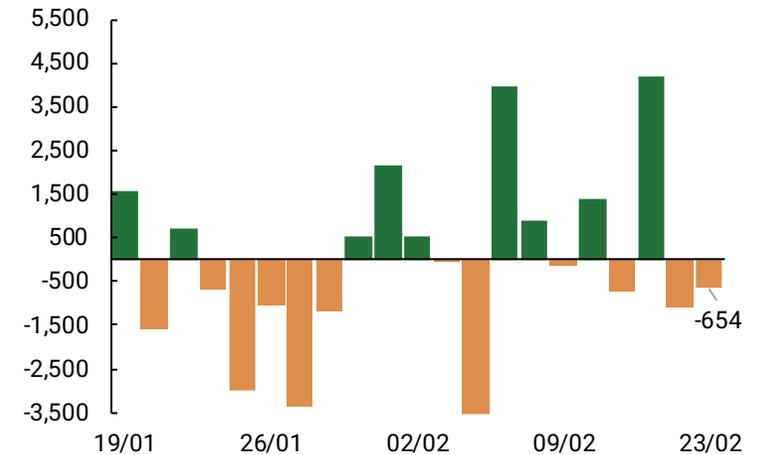
Khối lượng mở (Open interest)



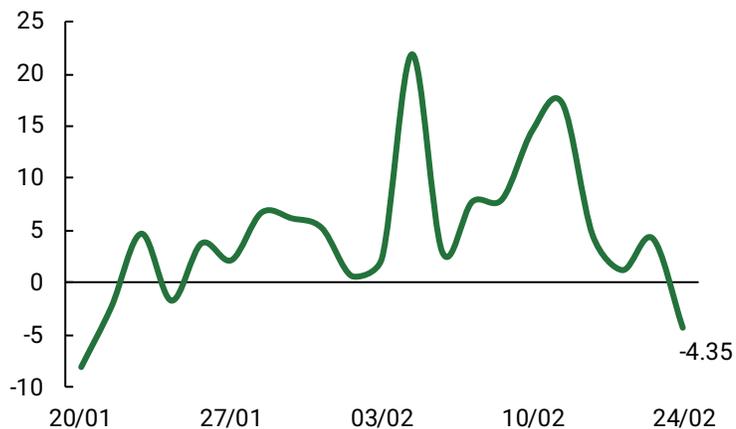
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



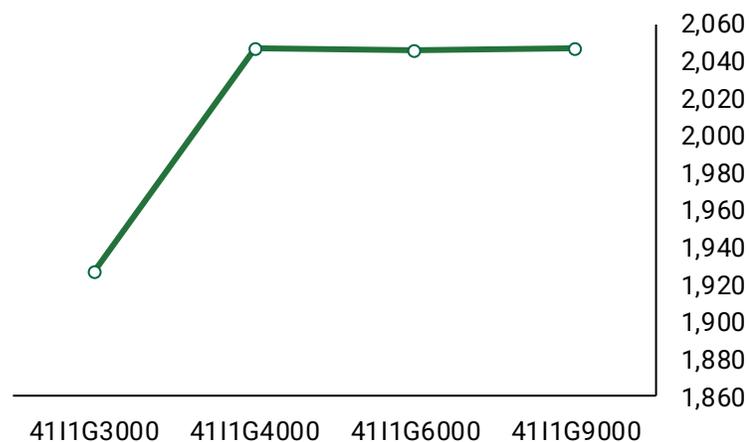
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



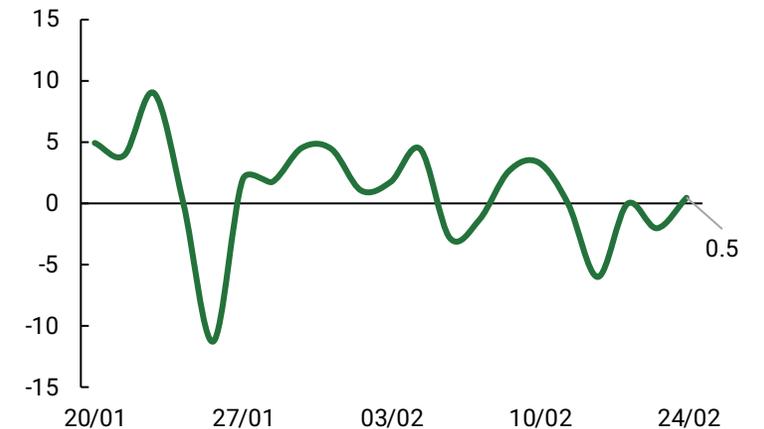
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,800	65,400	-13.7%	Bán
BCM	64,600	73,400	13.6%	Tăng tỷ trọng
CTG	38,200	45,200	18.3%	Tăng tỷ trọng
CTD	87,700	87,050	-0.7%	Giảm tỷ trọng
CTI	24,300	27,200	11.9%	Tăng tỷ trọng
DBD	54,400	68,000	25.0%	Mua
DDV	30,498	35,900	17.7%	Tăng tỷ trọng
DGC	75,100	99,300	32.2%	Mua
DGW	52,200	48,300	-7.5%	Giảm tỷ trọng
DPG	45,600	53,100	16.4%	Tăng tỷ trọng
DPR	41,550	46,500	11.9%	Tăng tỷ trọng
DRI	13,039	17,200	31.9%	Mua
EVF	13,150	14,400	9.5%	Nắm giữ
FRT	171,000	157,600	-7.8%	Giảm tỷ trọng
GMD	79,800	77,000	-3.5%	Giảm tỷ trọng
HAH	62,600	67,600	8.0%	Nắm giữ
HDG	27,400	34,500	25.9%	Mua
HHV	12,500	12,300	-1.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,300	34,300	21.2%	Mua
IMP	53,900	55,000	2.0%	Nắm giữ
KDH	28,250	38,800	37.3%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	28,250	22,700	-19.6%	Bán
MSH	38,150	43,100	13.0%	Tăng tỷ trọng
MWG	92,200	99,600	8.0%	Nắm giữ
NLG	28,650	39,900	39.3%	Mua
NT2	28,200	27,700	-1.8%	Giảm tỷ trọng
PHR	63,200	72,800	15.2%	Tăng tỷ trọng
PNJ	120,500	113,300	-6.0%	Giảm tỷ trọng
PVS	47,000	39,900	-15.1%	Bán
PVT	22,000	18,900	-14.1%	Bán
SAB	48,800	57,900	18.6%	Tăng tỷ trọng
SSI	32,100	39,200	22.1%	Mua
TLG	53,800	53,400	-0.7%	Giảm tỷ trọng
TCB	35,800	35,650	-0.4%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,300	37,900	44.1%	Mua
TRC	77,000	94,800	23.1%	Mua
VCB	65,000	84,200	29.5%	Mua
VPB	29,000	37,000	27.6%	Mua
VCG	19,200	26,200	36.5%	Mua
VHC	61,700	60,000	-2.8%	Giảm tỷ trọng
VNM	70,200	66,650	-5.1%	Giảm tỷ trọng
VSC	24,900	17,900	-28.1%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

Ông Trump chuẩn bị điều tra 6 ngành hàng, mở đường áp thuế mới: Nguồn tin của tờ Wall Street Journal (WSJ) cho biết chính quyền Tổng thống Trump đang cân nhắc đánh thuế quan lên 6 ngành hàng mới, sau thất bại tại Tòa án Tối cao tuần trước. Cụ thể, Nhà Trắng đang xem xét áp thuế lên những ngành bao gồm pin cỡ lớn, gang và phụ kiện gang, ống nhựa, hóa chất công nghiệp, thiết bị lưới điện và viễn thông.

Tính đến 15/2, xuất nhập khẩu bất ngờ tăng gần 40% so với cùng kỳ, nhập siêu gần 3 tỷ USD: Tính đến ngày 15/2, xuất khẩu tăng tới 34.6% trong khi nhập khẩu tăng 40.1% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân một phần là do giai đoạn Tết nguyên đán năm nay tới muộn hơn so với năm trước. Kết quả đạt được trong nửa đầu tháng 2 đã đưa tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước lên 130.18 tỷ USD, tăng 37.4%. Đáng chú ý, cán cân thương mại hàng hoá nửa đầu tháng 2 thâm hụt 0.95 tỷ USD khiến lũy kế đến hết ngày 15/2, Việt Nam nhập siêu 2.9 tỷ USD.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

DCM - Phân bón Cà Mau xuất khẩu thành công lô hàng đầu tiên sang Mỹ: Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) vừa thành công xuất khẩu lô hàng đầu tiên 40,000 tấn phân bón sang thị trường Mỹ. Thị trường Mỹ từ lâu được xem là đích đến khó khăn đối với các nhà sản xuất phân bón châu Á, do những yêu cầu khắt khe hàng đầu thế giới, cùng với bất lợi lớn về khoảng cách địa lý cũng như sự cạnh tranh gay gắt từ các nhà cung ứng tại Bắc Phi và Trung Đông.

VTR - Vietravel báo lỗ Q4: Quý 4/2025, CTCP Du lịch Vietravel ghi nhận doanh thu thuần quý 4 đạt 1,769 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, giá vốn tăng mạnh hơn doanh thu nên lợi nhuận gộp của Vietravel giảm. Bên cạnh VTR được hoàn nhập chi phí dự phòng tổn thất đầu tư do thoái vốn Công ty cổ phần Hàng không Lữ Hành Việt Nam (Vietravel Airlines) nên trong quý 4, chi phí tài chính ghi nhận âm 94 tỷ đồng, cùng kỳ là dương 22 tỷ đồng. Chi phí quản lý tăng mạnh 176% lên hơn 220 tỷ đồng, sau cùng, Vietravel báo lỗ sau thuế hơn 10 tỷ đồng trong quý 4, trong khi cùng kỳ lãi gần 16 tỷ đồng.

PVT - PVTrans đặt mục tiêu 1200 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế năm 2026: Theo kế hoạch, doanh thu hợp nhất năm 2026 được đặt ở mức 16.500 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 1.200 tỷ đồng. So với kết quả thực hiện năm 2025, mục tiêu doanh thu tăng khoảng 2,8%, còn lợi nhuận giảm xấp xỉ 10%. Đối với công ty mẹ, doanh thu năm nay được kỳ vọng đạt 3.900 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 560 tỷ đồng. Tỷ lệ cổ tức dự kiến duy trì ở mức 10%.

KLB - KienlongBank chào bán trái phiếu ra công chúng đợt 2, huy động 1,000 tỷ: Ngày 23/02, Ngân hàng TMCP Kiên Long thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng đợt 2, mã trái phiếu là KLB7Y202502. Tổng số lượng trái phiếu là 10 triệu, với giá trị phát hành theo mệnh giá 100,000 đồng là 1,000 tỷ đồng. Kỳ hạn trái phiếu 7 năm. Kienlongbank dự kiến sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng, thỏa mãn các điều kiện bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và các quy định của Ngân hàng Nhà nước

- 02/02 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/02 EU – ECB họp và quyết định lãi suất
Anh – BOE họp và quyết định lãi suất
- 06/02 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/02 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/02 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 11/02 Mỹ – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Việt Nam – MSSI công bố danh mục
- 13/02 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 16/02 Nhật Bản – Tăng trưởng GDP ước tính
- 19/02 Mỹ - Biên bản họp FOMC
- 20/02 Mỹ - PCE lõi, Ước tính GDP lần đầu
- 24/02 Trung quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 27/02 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415